TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2018.
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Ông Phùng Hiếu Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị N - sinh năm 1983.

Địa chỉ: 173, khóm A, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Huỳnh Thanh V - sinh năm 1983.

Địa chỉ: 87, ấp T, xã Tân Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N có mặt tại phiên tòa, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày*:** Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Huỳnh Thanh V quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 1 năm và bắt đầu chung sống vợ chồng từ năm 2000, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi bắt đầu chung sống như vợ

chồng, chị N và anh V sống bên nhà cha mẹ ruột của chị N. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên gây gỗ, cự cải với nhau, sau đó anh V bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh V sống tại số 87, ấp T, xã Đ, thành Phố S, tỉnh Đồng Tháp. Đã nhiều lần chị N khuyên anh V về nhà vợ chồng chung sống để lo cho con nhưng anh V không đồng ý.

Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh V, vợ chồng không ai quan tâm đến ai nên không thể hàn gắn trở lại chung sống. Chị N yêu cầu ly hôn anh V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh T - sinh ngày: 01/8/2002 và Nguyễn Huỳnh Thanh Q - sinh ngày 07/11/2013, hiện 02 con đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh V đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Nguyễn Huỳnh Thanh V trình bày*:** Anh V thống nhất theo lời trình bày của chị Lê Thị N về thời gian chung sống, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống như vợ chồng, anh V và chị N cùng sống chung bên nhà cha mẹ ruột của chị N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không ai quan tâm đến ai nên thường xuyên gây gỗ cự cải, sau đó, thì anh V bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh V sống tại số 87, ấp T, xã Đ, thành Phố S, tỉnh Đồng Tháp. Từ tháng 8/2017 đến nay anh V và chị N đã sống ly thân nhau.

Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, anh V không thể tiếp tục chung sống với chị N. Anh V đồng ý ly hôn chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh T - sinh ngày: 01/8/2002 và Nguyễn Huỳnh Thanh Q - sinh ngày 07/11/2013, hiện 02 con đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh V đồng ý giao 02 con chung cho chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh V xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh V đã thỏa thuận xong với chị N nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Huỳnh Thanh V. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh V; chị N được quyền nuôi con sau ly hôn, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Huỳnh Thanh V là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là anh Nguyễn Huỳnh Thanh V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Nguyệt và anh V chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 200 đến nay, chị N và anh V phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị N và anh V đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong thời gian đang sống chung với nhau, giữa chị N và anh Vđã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Bên cạnh đó, chị N và anh V đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống như vợ chồng với anh V và có yêu cầu được ly hôn anh V; về phía

anh V cũng không muốn tiếp tục chung sống như vợ chồng với chị N; anh V xác định không còn tình cảm với chị N và đồng ý ly hôn chị N. Tuy nhiên, do chị N và anh V không đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*".

Do đó, xét yêu cầu của chị N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh V là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh T - sinh ngày: 01/8/2002 và Nguyễn Huỳnh Thanh Q - sinh ngày 07/11/2013, hiện 02 con đang sống với chị N. Chị Nguyệt và anh V cùng thống nhất thỏa thuận: Chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị N và anh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

V*ề tài sản chung:* Chị N và anh V cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị N và anh V cùng xác định là đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân và gia đình*) theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên Xử</u>:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Huỳnh Thanh V.

2. *Về con chung*: Chị Lê Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh T - sinh ngày: 01/8/2002 và Nguyễn Huỳnh Thanh Q - sinh ngày 07/11/2013, hiện 02 con đang sống với chị N. Chị N không yêu cầu anh Nguyễn Huỳnh Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Nguyễn Huỳnh Thanh V có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. V*ề tài sản chung:* Chị N và anh V cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Chị N và anh V cùng xác định là đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. *Về án phí*: Chị Lê Thị N nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01354 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh